

Bản án số: **144/2023/HS-PT**

Ngày: 16/3/2023

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 460/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội: “Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Tiến L, sinh ngày 07/01/1980, tại Hải Dương. Nơi cư trú: số nhà D, phố N, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L1 và bà Vũ Thị T, có vợ là Bùi Hiền A và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 21/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Q, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L: Ông Dương Xuân T1 (Vắng mặt), ông Lê Cao L2 (Vắng mặt) và ông Vũ Hữu Q (Có mặt) - Luật sư Văn phòng L6 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q.

Ngoài ra trong vụ án còn có 04 bị cáo khác, không có kháng cáo, kháng nghị; có bị cáo Nguyễn Quốc H kháng cáo nhưng đã có văn bản đề nghị rút kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/04/2014 UBND huyện H, tỉnh Quảng Ninh ban hành Thông báo số 28/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện “Dự án Đầu tư xây

dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp T giai đoạn 1” với diện tích đất thu hồi 660ha thuộc các xã Q, Q và được niêm yết công khai, thông báo triển khai đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thuộc diện phải thu hồi đất đã nêu: “*Yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, nghiêm cấm phát sinh trồng cây ăn quả, cây lâu năm, đào ao đắp đầm nuôi trồng thủy sản... và xây dựng công trình... trong phạm vi mốc giới quy hoạch để thực hiện dự án*”. Theo tiến độ giải phóng mặt bằng, dự án được chia làm 5 phân kỳ: Đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) phân kỳ 1.1 (xã Q diện tích 129,4ha) năm 2015; phân kỳ 1.2 (xã Q diện tích 184,6ha) năm 2016; phân kỳ 1.3 (xã Q diện tích 98ha) năm 2018; dự án đường T nối khu công nghiệp với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị phụ trợ và nhà ở công nhân (diện tích 23ha) năm 2019; đến tháng 12/2020 đang triển khai công tác kiểm đếm phân kỳ 1.4 tại xã Q. Căn cứ tiến độ GPMB dự án, ngày 22/2/2016, UBND huyện H ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm GPMB 98ha phân kỳ 1.3 tại xã Q, có liên quan đến 114 hộ dân và 02 tổ chức.

Quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, một số cán bộ UBND xã Q và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H đã vi phạm trong việc lập phương án bồi thường đối với hộ gia đình ông Phạm Văn S và ông Lã Văn C thuộc phân kỳ 1.3 tại xã Q, huyện H gây thiệt hại về tài sản, cụ thể như sau:

1. Đối với phương án bồi thường ao đầm thửa đất số 23, tờ bản đồ GPMB số 10 cho hộ gia đình ông Phạm Văn S, gây thiệt hại số tiền 1.324.544.176 đồng.

Khoảng năm 2002, ông Phạm Văn S và ông Phạm Văn N1 chung nhau đào đắp ao đầm để nuôi thủy sản. Toàn bộ kinh phí do ông N1 đầu tư, do ông N1 là Việt kiều Canada nên ông S đứng tên chủ sở hữu và năm 2003 đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cho thuê đất thời gian 20 năm, mục đích nuôi trồng thủy sản).

Gia đình ông S được biết UBND huyện H ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án từ ngày 01/4/2014. Đến tháng 02/2015, anh Nguyễn Đức T2 (con rể ông S) và ông Nguyễn Hữu Đ (anh họ ông S) cùng góp chung tiền mua lại ao đầm của ông N1 với giá 1,1 tỷ đồng, nhưng không làm được thủ tục sang tên do đã có thông báo thu hồi đất. Sau đó, anh T2, ông Đặng c các anh Phạm Văn L3, Phạm Đình T3 (đều trú tại thôn E, xã Q) cùng nhau góp tiền vốn cải tạo, sửa chữa ao đầm để đầu tư nuôi tôm. Ngày 26/2/2015, anh T2 đại diện làm đơn đề nghị tu sửa ao đầm và được UBND xã Q xác nhận đồng ý. Ngày 06/3/2015, UBND xã Q cử tổ công tác xuống kiểm tra, lập biên bản hiện trạng ao đầm. Tại thời điểm kiểm tra, gia đình anh T2 đang thuê máy xúc cải tạo bờ đầm; tổ công tác yêu cầu dừng việc tu sửa cải tạo; anh T2, ông S cam kết sau này nhà nước kiểm đếm đền bù thì căn cứ theo khối lượng đã thống kê trong biên bản ngày 06/3/2015, các khối lượng tài sản, vật kiến trúc phát sinh sau thời điểm kiểm tra sẽ không được tính toán khối lượng đền bù. Sau đó, anh T2 tiếp tục cải tạo ao đầm, thuê máy xúc chia bờ, tạo lập mới một số công trình, vật kiến trúc, tài sản trên đất để đầu tư nuôi tôm cùng ông Đ, anh L3, anh T3.

Khi tiến hành triển khai thu hồi đất, để có căn cứ bồi thường, từ ngày 16/5/2016 đến ngày 18/5/2016, cán bộ của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện

H chủ trì phối hợp cùng UBND xã Q, gồm: Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn L4, Vũ Văn D và các thành viên khác trực tiếp tiến hành kiểm đếm xác định diện tích đất, kiểm đếm tài sản trên đất ao đầm của hộ ông S. Theo kê khai của anh T2, trong đó có cả các công trình, tài sản được tạo lập sau khi đã thông báo thu hồi đất. Nhưng Vũ Văn D - cán bộ địa chính xã đã không kiểm tra, xác minh đầy đủ nguồn gốc, thời điểm tạo lập một số tài sản mà UBND xã Q đã lập bản xác nhận thời điểm hình thành, quá trình sử dụng đất và các hạng mục tài sản trên đất của ông S, bỏ qua các nội dung gia đình ông S cam kết trước đó do UBND xã lập ngày 06/3/2015, mà thống kê toàn bộ đất, tài sản trên đất của ông S tại thời điểm kiểm đếm, trình Nguyễn Quốc H ký ban hành Bản chứng nhận nhà đất, làm căn cứ chuyển cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H lập phương án. Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn L4 thiếu trách nhiệm, do tin tưởng cán bộ UBND xã Q nên đã trực tiếp tham mưu lập phương án bồi thường chuyển ông Lại Quang H1 (Phó giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H) ký duyệt; sau đó chuyển đến Phòng T5, trình Hội đồng bồi thường GPMB huyện H xét duyệt. Ngày 29/12/2017, Hội đồng xét duyệt bồi thường UBND huyện H ra quyết định số 3936 chấp nhận bồi thường cho hộ ông S trong đó có 11 hạng mục tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất được tạo lập sau thời điểm có thông báo thu hồi đất (ngày 01/4/2014), với tổng số tiền là 6.518.706.000 đồng (ngày 09/02/2018 người nhận tiền theo ủy quyền là anh Nguyễn Đức T2). Sau đó, anh T2 tiếp tục kiến nghị yêu cầu bồi thường bổ sung và được xét duyệt bồi thường thêm 02 lần: Lần 1 ngày 19/4/2018 số tiền 75.408.000 đồng; lần 2 ngày 18/7/2019 số tiền 43.059.000 đồng. Anh T2 trực tiếp nhận toàn bộ số tiền bồi thường này tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H.

Quá trình điều tra đã xác định: Bồi thường sai quy định 11 hạng mục công trình, tài sản với số tiền 1.324.544.176 đồng, trái với quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường: Đối với tài sản gắn liền với đất được tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sai phạm của các cán bộ có liên quan cụ thể như sau:

Đối với Vũ Văn D công chức địa chính UBND xã Q là người được giao nhiệm vụ trực tiếp tham gia kiểm đếm, xác minh làm rõ nguồn gốc, thời điểm hình thành các tài sản, công trình trên đất, lấy ý kiến dân cư nơi ông S làm đầm để làm cơ sở lập phương án bồi thường. Nhưng D đã không tiến hành thu thập đầy đủ tài liệu chứng minh, làm rõ những mâu thuẫn trong quá trình hình thành tài sản, trước và sau khi có thông báo thu hồi đất mà lập bản xác nhận có nội dung chứng nhận về thời điểm hình thành, tạo lập toàn bộ tài sản trong đó có 11 hạng mục tài sản, công trình hình thành sau khi có thông báo thu hồi để tham mưu cho chủ tịch UBND xã Q ký duyệt, làm cơ sở cho việc bồi thường gồm: Tôm, nhà số A, ốp tường đá hoa cương ngoài nhà số A- mặt bằng tổng thể số 1, cống số 2 và số 4, cống buy bê tông D75cm và D50cm, xếp đá khan có chít mạch mái dốc, giếng khoan, 23 cột điện thép đường kính 75mm và 25 cột điện bê tông, 04 đường dây cáp điện AV50, ống nhựa P1 xả đáy 04 ô đầm, 16 giàn cánh sục tạo khí kèm phụ kiện liên giàn và 12 bộ giàn sục tạo khí kèm mô tơ điện. Chứng nhận các thiết bị điện nước phục vụ sản xuất làm từ năm 2013,

nhưng không tiến hành xác minh, thu thập tài liệu làm rõ thời điểm hình thành tài sản này trước khi đưa ra nội dung chứng nhận; các công trình trên đất: Nhà ở tại mặt bằng số 1 làm năm 2013; nhà ở tại mặt bằng số 2 có 02 nhà, nhà số 1 xây dựng năm 2008 đến năm 2013 tu sửa lại, nhà số B xây năm 2004; các công trình phụ, giếng khoan, đá ốp lát... làm năm 2013; các công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, gồm: Kè bờ, xây cống thoát nước số 1, 2, 3, 4 làm từ năm 2003 đến năm 2008 tu sửa lại, không đúng với thực tế thời điểm tạo lập, hình thành các tài sản này, dẫn đến gây thiệt hại về tài sản 1.324.544.176 đồng.

Đối với Nguyễn Tiến L và Nguyễn Văn L4 đều là cán bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, được phân công nhiệm vụ trực tiếp tham gia kiểm đếm, tham mưu lập phương án bồi thường GPMB đối với hộ ông S, tính toán khối lượng, tính giá bồi thường; chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ sau khi UBND xã xác minh, chứng nhận nhà, đất và tài sản gắn liền với đất; có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường. Mặc dù phương án bồi thường có nhiều vướng mắc, hộ ông Sáng kiến n không đồng thuận trong thời gian dài; nhưng khi lập phương án bồi thường, L và L4 chưa phối hợp với UBND xã trong việc đối thoại, thu thập ý kiến dân cư để làm rõ thời điểm tạo lập một số hạng mục công trình, tài sản; mà đã tham mưu xây dựng phương án, đủ điều kiện và tính giá bồi thường cho 11 hạng mục tài sản, công trình cho gia đình ông Phạm Văn S được tạo lập sau thời điểm có thông báo thu hồi đất, dẫn đến thiệt hại số tiền 1.324.544.176 đồng do bồi thường sai quy định.

Nguyễn Quốc H là Chủ tịch UBND xã Q giai đoạn từ 4/2017 đến 12/2019, với chức trách, nhiệm vụ được giao trong công tác bồi thường GPMB theo quy định tại khoản 11 Điều 36 Quyết định số 3000 ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q, H có trách nhiệm: *“Chủ trì phối hợp với tổ chức được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng; xác nhận thời điểm xây dựng, quá trình sử dụng và tính hợp pháp của các công trình; phối hợp với các cơ quan, bộ phận liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường...”*. H đã không làm đúng chức trách nhiệm vụ của mình, tin tưởng vào kết quả xác minh, báo cáo của Vũ Văn D, không tham gia việc lấy ý kiến khu dân cư, chưa thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tài liệu do cán bộ địa chính thu thập, không yêu cầu cán bộ chuyên môn xác minh làm rõ phương án bồi thường trong khi gia đình ông Sáng kiến n không đồng thuận với phương án bồi thường trong thời gian dài; đã chấp nhận ký ban hành 02 bản chứng nhận nhà đất, tài sản trên đất ngày 21/8/2017 và ngày 29/11/2017 cho gia đình ông S tại khu vực ao đầm thuộc xã Q được bồi thường 11 hạng mục công trình, tài sản do D xác nhận không có căn cứ, để làm cơ sở báo cáo đưa lên Hội đồng bồi thường của huyện quyết định bồi thường cho gia đình ông S trái quy định, gây thiệt hại số tiền 1.324.544.176 đồng.

2. Đối với phương án bồi thường 02 thửa đất số 62 và 148, tờ bản đồ GPMB số 13 cho hộ gia đình anh Lã Văn C, gây thiệt hại số tiền 704.689.700 đồng.

Trong quá trình Hội đồng bồi thường huyện H lập phương án thu hồi đất, gia đình anh Lã Văn C đề nghị Nhà nước bồi thường 02 thửa đất số 62 và số 148

(02 thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có bất kỳ giấy tờ, tài liệu gì chứng minh thời điểm, việc sử dụng đất ổn định). Thửa đất số 62 và số 148 (*DT thửa 62 là 3.364,3m²; DT thửa 148 là 1563,6m², quyết định thu hồi đất ngày 30/3/2017 số 789; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 796 ngày 30/3/2017. Anh C nhận tiền ngày 10/4/2017 số tiền 2.350.755.000đ*) là đất công cộng, thuộc diện xã quản lý, chưa giao cho hộ gia đình nào sử dụng vì đất hoang hoá, nhiễm mặn, canh tác không có hiệu quả. Nhưng vào thời gian năm 2014 anh C đã tự ý san gạt thửa đất số 62 và trồng cây ngắn ngày trên thửa đất này rồi kê khai là đất của bố mình là ông Lã Văn H2 khai hoang từ năm 1980, thừa kế lại cho anh C. Về thửa đất số 148 có một thời gian ông Nguyễn Văn Y tự ý canh tác sau đó bỏ hoang; đến năm 2010, ông Y cho anh Bùi Văn B thửa đất này nhưng anh B cũng không canh tác trồng trọt gì; năm 2014, khi nhà nước đo đạc vẽ bản đồ GPMB, kiểm đếm thu hồi đất, anh Bùi Văn B nhờ anh Lã Văn C đứng tên chủ thửa đất và làm thủ tục yêu cầu bồi thường.

Ngày 05/5/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H chủ trì phối hợp cùng UBND xã Q gồm Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn L4, Vũ Văn D và các thành viên khác trực tiếp tiến hành kiểm đếm đất, đo diện tích đất, kiểm đếm tài sản trên đất của hộ anh C. Vũ Văn D trực tiếp tham mưu xác nhận nguồn gốc đất, thu thập hồ sơ, tài liệu trình Lương Văn T4 ký duyệt Bản chứng nhận nhà đất ngày 12/9/2016, làm căn cứ chuyển cho Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn L4 trực tiếp tham mưu lập phương án bồi thường chuyển ông Lại Quang H1 (Phó giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H) ký duyệt; sau đó chuyển đến Phòng T5, trình Hội đồng bồi thường GPMB huyện H xét duyệt. Nhưng cán bộ thuộc UBND xã Q và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H được giao nhiệm vụ thực hiện thu hồi đất, lập phương án bồi thường không căn cứ, sử dụng hồ sơ quản lý về đất đai là 02 bản đồ qua các thời kỳ (Bản đồ giải thửa năm 1988 và Bản đồ địa chính năm 2009) của UBND xã Q (*được quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ*) làm căn cứ xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của gia đình anh C, mà tiến hành tổ chức họp nhân dân để lấy ý kiến dân cư; hướng dẫn gia đình anh C lập không tài liệu (biên bản họp gia đình) xác định thời điểm sử dụng đất, mục đích sử dụng đất; xác định 02 thửa đất trên là đất BHK (đất trồng cây hàng năm), do anh Lã Văn C sử dụng ổn định và làm căn cứ lập phương án đề nghị bồi thường cho gia đình anh C 02 thửa đất trên, vi phạm khoản 1 Điều 75, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Bồi thường sai quy định cho 02 thửa đất số 62, 148 với số tiền 704.689.700 đồng. Sai phạm của các cán bộ liên quan cụ thể như sau:

Đối với Vũ Văn D, Nguyễn Tiến L và Nguyễn Văn L4: Trong khi làm thủ tục đền bù cho gia đình anh C, Vũ Văn D, Nguyễn Tiến L và Nguyễn Văn L4 là những người được giao nhiệm vụ xác nhận nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường theo quy định của nhà nước, nhưng D, L4 và L đã không căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai và 2 tờ bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa qua các thời kỳ do UBND xã Q quản lý (*quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ*) để làm căn cứ xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng

đất của gia đình anh C và không kiểm tra, xác minh tính hợp pháp của 2 thửa đất nêu trên, mà đã thống nhất tiến hành tổ chức họp nhân dân để lấy ý kiến dân cư; hướng dẫn gia đình anh C lập không tài liệu (biên bản họp gia đình) xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của 02 thửa đất trên là đất BHK (đất trồng cây hàng năm), do anh Lã Văn C sử dụng ổn định. Đồng thời lấy xác nhận của Bùi Văn L5 - Chủ tịch UBND xã Q trước đó làm căn cứ lập phương án tính giá trị bồi thường, trình Chủ tịch UBND xã L ký văn bản báo cáo lên Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng T5 thẩm định trình Hội đồng bồi thường huyện quyết định phê duyệt bồi thường cho gia đình anh C 02 thửa đất trên là không đúng đối tượng, vi phạm khoản 1 Điều 75, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, gây thiệt hại số tiền là 704.689.700 đồng.

Đối với Bùi Văn L5 (Chủ tịch UBND xã Q giai đoạn 2014 đến 12/2015) Năm 2016, Bùi Văn L5 đang giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã Q. Mặc dù biết nhà nước đang lập phương án để xem xét bồi thường cho gia đình anh Lã Văn C 02 thửa đất số 62 và 148 và biết 02 thửa đất này chưa đủ điều kiện được bồi thường; nhưng L5 đã có hành vi ký xác nhận không hợp thức Biên bản họp gia đình anh C, ghi lùi ngày 21/6/2014 với vai trò là Chủ tịch UBND xã Q để xác nhận thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất cho gia đình anh C, trái với quy định của pháp luật, đề L và L4 đưa vào hồ sơ phương án làm căn cứ xác định quyền sử dụng đất cho gia đình anh Lã Văn C, dẫn đến việc quyết định đền bù sai quy định, gây thiệt hại về tài sản khi Nhà nước thu hồi 02 thửa đất số 62 và 148. Tại thời điểm ký Biên bản họp gia đình anh C, mặc dù Bùi Văn L5 đang là Bí thư Đảng ủy xã Q nhưng cố tình ghi lùi ngày 21/6/2014 với vai trò là Chủ tịch UBND xã Q.

Lương Văn T4 (Chủ tịch UBND xã Q giai đoạn từ 12/2015 đến 3/2017): Với chức trách, nhiệm vụ được giao trong công tác bồi thường GPMB theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Quyết định số 1766 ngày 13/8/2014 và khoản 11 Điều 36 Quyết định số 3000 ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q, T4 có trách nhiệm: *“Xác nhận về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày, của Chính phủ; và “Chủ trì phối hợp với tổ chức được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng; thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường”*, nhưng T4 đã không làm đúng chức trách nhiệm của mình, tin tưởng vào kết quả báo cáo của Vũ Văn D; ký duyệt Bản chứng nhận nhà đất mà không kiểm tra, đối chiếu lại các tài liệu làm căn cứ chứng nhận, không căn cứ vào bản đồ địa chính và hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương đối với hộ anh Lã Văn C, chỉ căn cứ vào biên bản họp gia đình anh C đã được L5 ký hợp thức hóa và kết quả lấy ý kiến khu dân cư, làm căn cứ ký xác nhận nguồn gốc đất, làm cơ sở để Hội đồng bồi thường huyện phê duyệt bồi thường cho anh C không đúng đối tượng, gây thiệt hại số tiền 704.689.700 đồng.

Quá trình điều tra, Lương Văn T4 và Nguyễn Quốc H đã tác động, thuyết phục anh Lã Văn C nộp lại số tiền 704.689.700 đồng và anh Nguyễn Đức T2 nộp lại số tiền 1.324.544.176 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội: *“Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”*

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 230; điểm s; v khoản 1; 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Tiến L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 21/12/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/4/2022, bị cáo Nguyễn Tiến L có đơn kháng cáo kêu oan.

- Ngày 23/11/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận được đơn đề nghị của bị cáo Nguyễn Tiến L đề ngày 17/11/2022, gửi qua Ban Giám thị trại Tam giam tỉnh Quảng Ninh với nội dung: Thay đổi từ kháng cáo kêu oan sang đề nghị được giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Tiến L khai báo thành khẩn, nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Nguyễn Tiến L về tội: *“Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”* theo quy định tại khoản 3 Điều 230 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan. Nay bị cáo đã có thay đổi về mặt nhận thức pháp luật, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, có nhiều thành tích trong công tác, được cơ quan nơi bị cáo công tác trước đây đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L có quan điểm: Sau khi phân tích về quy mô, tính cấp thiết, xác định đó là Dự án trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh và huyện H nên yêu cầu về tiến độ hoàn thành rất gấp gáp; Luật sư phân tích vai trò của bị cáo và các bị cáo khác là đồng phạm với bị cáo L, cho rằng trách nhiệm đầu tiên thuộc về nhóm các bị cáo là cán bộ cấp xã, còn bị cáo do tin tưởng các cán bộ xã nên mới để xảy ra vi phạm. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo L hình phạt cao hơn các cán bộ cấp xã là không công bằng, số tiền bồi thường vượt quá đã được thu hồi, hậu quả vật chất của vụ án đã được khắc phục triệt để. Do đó đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến L trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Từ năm 2014 đến tháng 12/2017, Nguyễn Tiến L và đồng phạm là những người có chức vụ, quyền hạn được giao nhiệm vụ lập phương án bồi thường, nhằm thực hiện “Dự án Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp T giai đoạn 1” với diện tích đất thu hồi 660ha thuộc các xã Q, Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ, bị cáo và các đồng phạm đã lập phương án bồi thường đối với một số tài sản được tạo lập sau khi đã có thông báo thu hồi đất của UBND huyện H; xác nhận nguồn gốc đất và tài sản trên đất, không đúng quy định của Luật Đất đai, trình Hội đồng bồi thường GPMB huyện H phê duyệt bồi thường không đúng cho hộ gia đình ông Phạm Văn S và gia đình ông Lã Văn C, gây thiệt hại tổng số tiền 2.029.233.876 đồng. Cụ thể

- Đối với hộ ông S, bị cáo L là người đi kiểm đếm, được anh H3 là cán bộ địa chính xã cho xem biên bản kiểm tra vi phạm hộ ông S từ năm 2015, nhưng do tin tưởng vào các biên bản xác nhận của xã, do áp lực công việc, dẫn đến xây dựng phương án bồi thường sai, đưa 04 hạng mục không được bồi thường do tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất của hộ ông S vào phương án bồi thường, làm cho ông S được bồi thường sai (vượt quá) với số tiền là 1.267.000.000 đồng.

- Đối với hộ ông C, theo lời khai của bị án Nguyễn Văn L4 thì sau buổi họp tổ thẩm định, bị cáo L là người giao cho Nguyễn Văn L4 hướng dẫn gia đình ông C bổ sung biên bản họp gia đình thống nhất nội dung đất của nhà ông C là do bố mẹ cho. Bị án L5 cũng khai khi ông C nhờ bị cáo xác nhận biên bản họp, L5 đã hỏi L thì L bảo biên bản này nhằm hoàn thiện hồ sơ phương án đền bù cho ông C, đồng thời để đảm bảo tiến độ giải phóng mặt bằng nên L5 đã ký xác nhận lùi thời gian ghi trên biên bản từ năm 2016 thành năm 2014 với vai trò là Chủ tịch xã. Anh C có lời khai, bị án L4 là người hướng dẫn anh lập biên bản họp gia đình ghi năm 2014 rồi đưa cho ông L5 ký.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Tiến L cùng đồng phạm Nguyễn Văn L4, Vũ Văn D đã lập hồ sơ xác nhận nguồn gốc đất và tài sản trên đất, lập phương án bồi thường không đúng với quy định của Luật Đất đai, hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” theo quy định tại khoản 3 Điều 230 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn L:

Do bị cáo Nguyễn L có nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra,

truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, UBND huyện H và đại diện Công ty T6 có quan điểm đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (tại Văn bản số 299/UBND-VP ngày 17/2/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù - dưới mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 230 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, tuy bị cáo L khai báo thành khẩn về hành vi của mình nhưng bị cáo cho rằng mình không phạm tội do tin tưởng vào cán bộ địa chính và lãnh đạo của UBND xã Q trong việc xác minh nguồn gốc tài sản làm căn cứ đề xuất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T5 ra Quyết định bồi thường nên không phạm tội, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận việc kết án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh với bị cáo về tội: *“Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”* theo quy định tại khoản 3 Điều 230 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, phù hợp với đơn đề nghị của bị cáo ngày 17/11/2022 gửi qua Trại Tạm giam công an tỉnh Q về việc thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xác định bị cáo đã có sự thay đổi về nhận thức về tội phạm do mình thực hiện và hậu quả gây ra, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo sau khi bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Mặt khác, Dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh, hạ tầng khu công nghiệp T - Giai đoạn 1 thuộc Khu công nghiệp C có diện tích mặt bằng rất lớn lên tới 660ha, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của huyện H và tỉnh Quảng Ninh nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào địa phương. Do đó, để sớm giải phóng mặt bằng bàn giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án, việc kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao đất phải hoàn thành trong thời gian gấp rút, nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ bị cáo có phần phải chịu nhiều áp lực nhằm hoàn thành công việc một cách nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nên khó tránh khỏi sơ suất, thiếu sót như Văn bản số 289/UBND-VP ngày 17/2/2022 của UBND huyện H đã xác định. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần do tin tưởng vào xác nhận của các cán bộ, lãnh đạo UBND xã Q trong việc xác minh nguồn gốc về tài sản làm căn cứ đề xuất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T5 ra Quyết định bồi thường; đặc biệt bị cáo phạm tội không vì động cơ, mục đích vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, không được ăn chia từ số tiền bồi thường vượt quá.

Ngoài ra, thiệt hại trong vụ án do các hộ dân được nhận tiền bồi thường không đúng (anh Lã Văn C 704.689.700đ; ông S 1.324.544.176 đồng) đã được thu hồi, hiện được gửi tài khoản số 3949.0.0903.9862.00000 của Công an tỉnh Q. Do đó, hậu quả về vật chất đã được khắc phục triệt để.

Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội

được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015: “*Khoan hồng đối với người ăn năn hối cải*”, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3] Về án phí phúc thẩm hình sự: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tiến L.

2. Sửa quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Nguyễn Tiến L như sau:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội: “Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”

Áp dụng khoản 3 Điều 230; điểm s; v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 21/12/2020.

3. Bị cáo Nguyễn Tiến L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh